

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 204 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
1	A-010	Trần Minh	Anh	21/6/2001	x	Kinh			57,00	Quản lý quy hoạch (vị trí 02)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1
2	A-016	Nguyễn Y	Băng	18/12/1991		Kinh			74,00	Quản lý Đất đai	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	2
3	A-021	Nguyễn Thanh	Bình	24/9/1986		Kinh			68,00	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1
4	A-036	Y	Chuồn	25/9/1998	x	Giê Triêng	Người DTTS	5	63,25	Quản lý giáo dục Trung học cơ sở	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1
5	A-049	Tô Tiến	Đạt	12/01/1997		Kinh			67,50	Công nghệ thông tin	Văn phòng UBND tỉnh	Phòng Hành chính - Quản trị	Chuyên viên	1
6	A-057	Nguyễn Anh	Đức	02/02/1991		Kinh			59,75	Hành chính tổng hợp	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài vụ	Chuyên viên	1
7	A-063	Võ Thị Thùy	Dung	12/9/1993	x	Kinh			50,50	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1
8	A-064	Hà Đức	Dũng	10/8/1988		Kinh			68,50	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4
9	A-067	Nguyễn Đình	Dũng	11/12/1998		Kinh			76,50	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1
10	A-069	Đặng Thị Ánh	Dương	25/10/1992	x	Kinh			78,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1
11	A-070	Hoàng Thị Phi	Dương	15/3/1991	x	Kinh			77,50	Kế toán (Vị trí 2)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCD và PCCCR số 3	Kế toán viên	1
12	A-076	Nguyễn Văn	Duy	10/6/1989		Kinh	Con Thương binh	5	62,50	Quản lý về thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
13	A-078	Nguyễn Thị	Duyên	24/12/1986	x	Kinh			69,00	Hành chính tổng hợp	Chi cục Thủy lợi	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1
14	A-085	Lê Văn	Giới	10/10/1987		Kinh			74,75	Quản lý tài nguyên khoáng sản, nước, môi trường	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
15	A-087	Đình Nguyên	Hà	10/4/1994		Kinh			66,50	Kiểm lâm (Vị trí 5)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai	Kiểm lâm viên	2
16	A-089	Nay Sĩ	Hà	27/3/1999		Rơ Ngao	Người DTTS	5	54,00	Kiểm lâm (Vị trí 7)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kiểm lâm viên	3
17	A-091	Nguyễn Thị	Hà	10/6/1993	x	Kinh			66,00	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1
18	A-092	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	29/12/1987	x	Kinh			87,90	Kế toán	Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Kế toán viên	1
19	A-093	Phan Thị Thanh	Hà	09/4/1984	x	Kinh			72,50	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4
20	A-094	Trần Thị Ngọc	Hà	15/10/1986	x	Kinh			55,00	Quản lý Quy hoạch - Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	1
21	A-096	Hồ Ngọc	Hải	01/01/1999		Kinh			57,00	Quản lý xây dựng	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Chuyên viên	1
22	A-098	Nguyễn Kỳ	Hải	04/12/1999		Kinh			66,37	Quản lý dịch bệnh	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên	1
23	A-100	Phạm Văn	Hải	02/8/1996		Kinh	Con Thương binh	5	66,00	Quản lý nghiệp vụ y	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Y tế	Chuyên viên	1
24	A-102	Võ Hoàng	Hải	22/01/1997		Kinh			52,00	Quản lý về lâm nghiệp	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
25	A-104	Nguyễn Hà Bảo	Hân	16/5/2000	x	Kinh			75,75	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban quản lý Khu kinh tế	Phòng Quản lý đầu tư	Chuyên viên	1
26	A-108	Phạm Thị	Hằng	10/02/1993	x	Kinh			58,25	Kiểm lâm (Vị trí 4)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy	Kiểm lâm viên	1
27	A-110	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	11/6/1993	x	Kinh			51,75	Quản lý môi trường	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Chuyên viên	1
28	A-120	Trần Bích	Hảo	18/02/2000	x	Kinh			69,50	Quản lý môi trường	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Chuyên viên	0
29	A-137	Vũ Ngọc	Hiếu	08/4/2000		Kinh			79,00	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4
30	A-139	Đặng Thị	Hoa	03/02/1992	x	Kinh			54,50	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4
31	A-140	Đậu Thị Thanh	Hoa	04/02/1995	x	Kinh			83,00	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
32	A-142	Lưu Mạnh	Hòa	30/10/1989		Kinh			75,00	Hành chính tư pháp	UBND huyện Đắk Hà	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1
33	A-145	Lê Thanh	Hoài	04/4/2001		Kinh			52,50	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đắk Glei	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1
34	A-154	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/4/2000	x	Kinh			53,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1
35	A-163	Vũ Duy	Hùng	23/3/1999		Mường	Người DTTS	5	77,50	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4
36	A-164	Nguyễn Duy	Hung	03/01/1999		Kinh			51,50	Xây dựng lực lượng	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Tổ chức, TT và XDLL	Chuyên viên	1
37	A-169	Vũ Thị Huyền	Hương	04/7/2000	x	Tày	Người DTTS, Con bệnh binh	5	50,25	Kiểm lâm (Vị trí 10)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Kon Rẫy	Kiểm lâm viên	2
38	A-171	Bùi Thị Thúy	Hường	20/11/2001	x	Kinh			65,50	Hành chính tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	1
39	A-178	Nguyễn Tấn	Huy	17/8/2000		Kinh			83,75	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3
40	A-179	Bùi Thị Thu	Huyền	30/8/1987	x	Kinh			70,00	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1
41	A-181	Đình Bảo	Khang	02/12/1999		Hrê	Người DTTS	5	61,50	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Tu Mơ Rông	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	2
42	A-183	Nguyễn Duy	Khánh	19/12/1990		Kinh			56,25	Quản lý về nông nghiệp	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
43	A-190	Nguyễn Trung	Kiên	20/02/1986		Kinh			52,00	Quản lý công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp	UBND huyện Đắk Glei	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1
44	A-193	Nguyễn Như	Kỳ	30/11/1987		Kinh			51,75	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 01)	UBND huyện Kon Plông	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1
45	A-198	Nguyễn Ngọc	Lâm	02/10/1993		Kinh			76,75	Quản lý đất đai	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1
46	A-201	A Ri Giang	Lây	24/8/1988	x	Giê Triêng	Người DTTS, Con thương binh	5	73,25	Quản lý về lâm nghiệp	UBND huyện Đắk Glei	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
47	A-210	Đình Thị Thùy	Linh	10/5/1995	x	Kinh			61,00	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Ia H'Drai	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
48	A-212	KPuih H'	Linh	20/8/1998	x	Jrai	Người DTTS	5	62,75	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Đăk Glei	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1
49	A-216	Nguyễn Thị Yến	Linh	25/10/1999	x	Kinh			72,50	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1
50	A-222	Trần Hàu	Lĩnh	01/4/1993		Kinh			61,50	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	UBND huyện Kon Plông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1
51	A-226	Đỗ Thành	Luân	11/11/2000		Kinh			53,25	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
52	A-231	Hà Thị Kim	Lưư	30/8/1999	x	Kinh			67,00	Thanh tra	UBND huyện Đăk Tô	Thanh tra	Chuyên viên	1
53	A-235	Nguyễn Thị Khánh	Ly	23/12/2000	x	Kinh			75,75	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1
54	A-238	Trương Thị Mỹ	Ly	01/01/1988	x	Kinh			63,00	Hành chính, tổng hợp	UBND huyện Đăk Hà	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên	1
55	A-243	Lê Viết	Mạnh	27/5/1992		Kinh			66,75	Quản lý xây dựng	UBND huyện Ia H'Drai	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1
56	A-245	Trần Đức	Mạnh	25/01/2000		Kinh			61,25	Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên	1
57	A-252	Nguyễn Diễm	My	16/4/1999	x	Kinh			80,00	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1
58	A-253	Thái Nguyễn Ngọc	My	07/3/1999	x	Kinh			63,50	Quản lý công tác dân số	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1
59	A-258	Đặng Phương	Nam	17/10/1999		Kinh			73,50	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	2
60	A-262	Lê Thị Bích	Nga	23/10/1996	x	Kinh			63,00	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
61	A-269	Phan Phạm Thu	Ngân	14/8/2001	x	Kinh			50,75	Kiểm lâm (Vị trí 7)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kiểm lâm viên	3
62	A-273	Nguyễn Đức	Nghĩa	12/5/1998		Kinh			57,50	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1
63	A-276	Bùi Thị Minh	Ngọc	19/10/1999	x	Kinh			74,25	Quản lý thương mại	UBND huyện Ngọc Hồi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1
64	A-280	Trịnh Kim	Ngọc	17/9/2000	x	Kinh			62,00	Tổ chức nhân sự	Ban quản lý Khu kinh tế	Văn phòng	Chuyên viên	1
65	A-287	Y	Nguyên	05/10/2000	x	Triêng	Người DTTS	5	73,00	Thanh tra kinh tế, xã hội	Thanh tra tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
66	A-292	Phan Văn	Nhân	26/7/1992		Kinh			53,00	Quản lý về thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
67	A-300	Lê Trần Thảo	Nhi	12/6/2000	x	Kinh			65,50	Tổng hợp Kinh tế xã hội (vị trí 01)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Kinh tế ngành	Chuyên viên	1
68	A-303	Nguyễn Thị YẾN	Nhi	04/4/2000	x	Kinh			82,00	Kế toán (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai	Kế toán viên	1
69	A-309	Hoàng Thị Hồng	Nhung	20/3/1996	x	Kinh			69,75	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCD và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4
70	A-311	Nguyễn Thị Phương	Nhung	30/10/2000	x	Kinh			73,00	Thanh tra	UBND huyện Ia H'Drai	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1
71	A-316	Nguyễn Thị Xuân	Nương	25/10/1988	x	Kinh			88,90	Kế toán (Vị trí 3)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kế toán viên	1
72	A-322	Lê Trương Hoài	Phi	14/5/2001		Kinh			68,00	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1
73	A-337	Nguyễn Bá Ngọc	Phước	17/4/1993		Kinh			50,00	Quản lý về nông nghiệp	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
74	A-341	Nguyễn Thị Khánh	Phương	13/9/2001	x	Kinh			54,00	Kiểm lâm (Vị trí 6)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Kon Plông	Kiểm lâm viên	2
75	A-342	Vũ Thị Kiều	Phương	24/5/1992	x	Kinh			55,50	Quản lý đất đai	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1
76	A-343	Đào Thị Bích	Phượng	28/4/1998	x	Kinh			57,00	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững.	UBND huyện Kon Plông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1
77	A-344	Nguyễn Thị Bích	Phượng	24/9/1998	x	Kinh			71,25	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Tu Mơ Rông	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	2
78	A-352	Lê Thanh	Quang	17/11/1993		Kinh			78,00	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	1
79	A-356	Lê Ngô Phương	Quyên	19/12/1999	x	Kinh			78,00	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCD và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4
80	A-359	Lê Thị Thúy	Quỳnh	07/6/1998	x	Kinh			68,25	Quản lý nhà nước về Tôn giáo	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
81	A-363	Tô Đông	Sang	19/01/1991		Kinh			56,75	Quản lý về Thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
82	A-364	Y Kim	Sang	26/3/2000	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	54,00	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
83	A-367	Đình Văn	Son	20/9/1981		Kinh			61,88	Quản lý đất đai	UBND huyện Đắk Tô	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1
84	A-374	Doãn Thanh	Tài	27/7/1991		Kinh			55,50	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
85	A-381	Đào Hữu	Tấn	13/4/1995		Kinh			58,75	Quản lý môi trường	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Chuyên viên	1
86	A-390	Y Mỹ	Thắng	11/8/1993	x	Xê Đăng	Người DTTS	5	53,50	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Y tế	Chuyên viên	1
87	A-399	Bùi Thị Thanh	Thảo	20/01/1991	x	Kinh			92,40	Kế toán	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Kế toán viên	1
88	A-401	Đỗ Thị Thạch	Thảo	04/02/1998	x	Kinh			51,00	Quản lý dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	1
89	A-403	Trịnh Xuân	Thảo	18/7/1989		Kinh			81,50	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Y tế	Chuyên viên	1
90	A-406	Nguyễn Thị	Thì	07/02/1988	x	Kinh			85,00	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1
91	A-408	Nguyễn Hoàn	Thiện	18/7/1995		Kinh			58,25	Quản lý về năng lượng	Sở Công Thương	Phòng Quản lý Năng lượng	Chuyên viên	1
92	A-409	Đỗ Trọng	Thiết	18/9/1991		Kinh			67,50	Kiểm lâm (Vị trí 7)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kiểm lâm viên	3
93	A-411	Nguyễn Tiến	Thịnh	12/8/1992		Kinh			76,50	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Ia H'Drai	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1
94	A-413	Vương Thị	Thọ	23/3/1990	x	Kinh			69,50	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1
95	A-416	A	Thông	03/4/1994		Rơ Ngao	Người DTTS	5	64,50	Quản lý Thi đua- khen thưởng; Tôn giáo	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
96	A-424	Nguyễn Văn	Thuận	16/01/1997		Kinh			77,75	Quản lý Đất đai	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	2
97	A-425	Chế Lê Thương	Thương	28/11/1996	x	Kinh			52,50	Quản lý đội ngũ CBCCV	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
98	A-432	Vũ Thị Thanh	Thương	09/7/2001	x	Kinh			70,75	Pháp chế (Vị trí 3)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kiểm lâm viên	1
99	A-437	Nguyễn Thị	Thùy	04/6/1989	x	Kinh			52,00	Quản lý đăng ký đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất	Chuyên viên	1
100	A-447	Đỗ Văn	Toàn	04/02/1989		Kinh			62,75	Quản trị công sở	UBND huyện Ngọc Hồi	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
101	A-455	Phan Bảo	Trần	07/7/1996	x	Kinh			73,25	Quản lý về Doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể và tư nhân	Chuyên viên	1
102	A-458	Nguyễn Quốc Quỳnh	Trang	18/02/1990	x	Kinh			60,75	Quản lý quy hoạch (vị trí 01)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1
103	A-459	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/8/2000	x	Kinh			59,00	Kiểm lâm (Vị trí 10)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Kon Rẫy	Kiểm lâm viên	2
104	A-461	Nguyễn Thị Thùy	Trang	26/5/1999	x	Kinh			66,00	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Đắk Tô	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1
105	A-468	Lê Văn	Triết	21/3/1995		Kinh			77,75	Kiểm lâm (Vị trí 8)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Đắk Glei	Kiểm lâm viên	2
106	A-477	Lê Thị Minh	Trúc	10/11/1986	x	Kinh			54,50	Quản lý giáo dục tiểu học và giáo dục mầm non	UBND huyện Đắk Hà	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1
107	A-479	Phan Thị Thanh	Trúc	25/8/1999	x	Kinh			87,00	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3
108	A-482	Trần Lê	Trung	01/01/1997		Kinh			59,87	Tiền lương và bảo hiểm	UBND huyện Kon Plông	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1
109	A-485	Trần Văn	Trường	28/3/1993		Kinh	tốt nghiệp sĩ quan dự bị	5	59,75	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4
110	A-486	Hoàng Ngọc	Tú	20/8/1994		Kinh			56,00	Tổng hợp Kinh tế xã hội (vị trí 02)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Kinh tế ngành	Chuyên viên	1
111	A-488	Huỳnh	Tú	04/10/1995		Kinh			66,00	Kiểm lâm (Vị trí 6)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Kon Plông	Kiểm lâm viên	2
112	A-491	Phạm Thị Cẩm	Tú	20/5/1984	x	Kinh			74,50	Quản trị công sở	Ban quản lý Khu kinh tế	Văn phòng	Chuyên viên	1
113	A-498	Nghiêm Văn	Tuệ	06/8/1987		Kinh			63,75	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 02)	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Chuyên viên	1
114	A-501	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	22/10/1982	x	Kinh			65,50	Quản lý Kinh tế Hợp tác xã và Trang trại	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1
115	A-511	Bùi Thị Bích	Vân	25/5/1980	x	Kinh			50,50	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Sở Y tế	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	1
116	A-513	Nguyễn Thị Hồng	Vân	17/11/2000	x	H'rê	Người DTTS	5	65,00	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức				
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD
117	A-525	Nguyễn Hữu	Việt	13/02/1985		Kinh			79,00	Pháp chế (Vị trí 2)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCD và PCCCR số 2	Kiểm lâm viên	1
118	A-526	Phạm Đình	Việt	17/10/1987		Kinh			50,25	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	2
119	A-530	Đặng Hoàng	Vũ	05/8/1992		Kinh			76,50	Chuyên viên quản lý công tác an toàn giao thông	Ban An toàn Giao thông tỉnh	Văn phòng Ban	Chuyên viên	1
120	A-534	Hoàng Hữu	Vương	20/8/1983		Kinh			50,00	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Quản lý xây dựng công trình	Chuyên viên	1
121	A-535	Nguyễn Thảo	Vy	12/5/1994	x	Kinh			50,75	Quản lý báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Chuyên viên	1
122	A-536	Trần Thị Tường	Vy	29/11/2000	x	Kinh			72,75	Quản lý tài chính - ngân sách	UBND huyện Đắk Tô	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1
123	A-543	Nguyễn Hải	Yến	16/8/1996	x	Kinh			75,50	Tham mưu nhiệm vụ quản lý sức khỏe cán bộ tỉnh	Sở Y tế	Phòng nghiệp vụ Y, Dược	Chuyên viên	1
124	B-005	Lê Thị	Mót	01/02/1983	x	Kinh			59,25	Văn thư	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Văn thư viên Trung cấp	1
125	B-011	Hoàng Thị	Yến	14/12/1995	x	Kinh			65,00	Văn thư	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Văn thư viên Trung cấp	1

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 204 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
1	A-002	Hoàng Thị Vân	Anh	04/10/1992	x	Kinh			53,00	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Y tế	Chuyên viên	1	
2	A-003	Nguyễn Đình Như	Anh	12/7/1993		Kinh			73,00	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Ia H'Drai	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1	
3	A-004	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	14/3/1993	x	Kinh			50,50	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
4	A-006	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	09/3/1999		Kinh			5,00	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
5	A-007	Nguyễn Tuấn	Anh	27/7/1990		Kinh			51,00	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	UBND huyện Kon Plông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1	
6	A-011	Y Lý	Anh	26/5/1998	x	Triêng	Người DTTS	5	50,25	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
7	A-013	Nguyễn Thị Kim	Ánh	14/11/1997	x	Kinh			33,50	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
8	A-014	A	Át	04/12/1990		Hà Lã	Người DTTS	5	21,00	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
9	A-015	Lê Ngọc	Ban	30/12/1996	x	Kinh			32,00	Hành chính tổng hợp	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
10	A-017	Thái Quang	Bảo	15/12/1994		Kinh			14,50	Quản lý môi trường	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Chuyên viên	1	
11	A-022	Y Hoa	Blan	07/01/2000	x	Gia Rai	Người DTTS	5	31,25	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
12	A-026	Lê Thị Mỹ	Châu	20/9/1987	x	Kinh			54,00	Quản lý Kinh tế Hợp tác xã và Trang trại	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
13	A-028	Nguyễn Ngọc Băng	Châu	08/10/1997	x	Kinh			24,25	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
14	A-029	Trần Nguyễn Hoài	Châu	05/9/1993	x	Kinh			67,50	Quản trị công sở	Ban quản lý Khu kinh tế	Văn phòng	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
15	A-032	Nay Phương	Chi	01/12/2000	x	Rơ Ngao	Người DTTS	5	3,00	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
16	A-033	Võ Thị Bảo	Chi	14/01/1996	x	Kinh			38,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
17	A-034	Y	Chi	19/02/2000	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	22,25	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
18	A-039	Nguyễn Văn	Cường	11/11/1986		Kinh			17,00	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
19	A-041	Trần Quốc	Cường	08/10/1996		Kinh			44,25	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 02)	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Chuyên viên	1	
20	A-042	A Rất	Đại	06/8/1996		Cơ Tu	Người DTTS	5	54,25	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
21	A-050	Ksor Thị	Diệu	23/11/1995	x	Jrai	Người DTTS	5	42,50	Kiểm lâm (Vị trí 4)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy	Kiểm lâm viên	1	
22	A-051	Nguyễn Thị Phương	Diệu	05/01/1991	x	Kinh			6,50	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
23	A-052	Nguyễn Văn	Đông	05/01/1985		Kinh			13,50	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Quản lý xây dựng công trình	Chuyên viên	1	
24	A-053	Đinh Văn	Đua	12/6/1996		Hre	Người DTTS	5	22,25	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 02)	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Chuyên viên	1	
25	A-055	Lê Thành	Đức	27/8/2001		Kinh			34,00	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Ia H'Drai	Văn phòng HĐND- UBND	Chuyên viên	1	
26	A-056	Lê Xuân	Đức	10/9/1992		Kinh	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	36,00	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	UBND huyện Kon Plông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1	
27	A-058	Đặng Thị Thùy	Dung	26/7/2001	x	Kinh			3,50	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
28	A-059	Hoàng	Dung	04/9/1990		Kinh	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	9,75	Kiểm lâm (Vị trí 5)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai	Kiểm lâm viên	2	
29	A-060	Hoàng Thị	Dung	18/11/1996	x	Kinh			61,00	Quản trị công sở	UBND huyện Ngọc Hồi	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1	
30	A-061	Nguyễn Kim	Dung	13/3/2001	x	Kinh			7,50	Quản lý về năng lượng	Sở Công Thương	Phòng Quản lý Năng lượng	Chuyên viên	1	
31	A-062	Thái Thị Hồng	Dung	26/3/1998	x	Kinh			64,50	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
32	A-066	Lương Chí	Dũng	21/9/1998		Thái	Người DTTS	5	9,75	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
33	A-068	Uông Văn	Dũng	28/3/1999		Kinh			18,50	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
34	A-072	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/02/1994	x	Kinh			65,50	Quản lý nhà nước về Tôn giáo	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
35	A-074	Lâm Hoàng	Duy	16/11/1995		Kinh			44,50	Quản lý xây dựng	UBND huyện Sa Thầy	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1	
36	A-079	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/8/1999	x	Kinh			18,00	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
37	A-080	Đỗ Hoàng	Giang	10/01/1992	x	Kinh			15,75	Quản lý Tiêu chuẩn chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên	1	
38	A-082	Nguyễn Thị Phương	Giang	02/12/1994	x	Kinh			40,00	Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên	1	
39	A-083	Phạm Võ Hương	Giang	29/5/2001	x	Kinh			5,50	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
40	A-084	Võ Hoàng	Giang	10/6/1998		Xê Đăng	Người DTTS	5	0,00	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
41	A-086	A Thánh	Gời	30/8/1997		Giê Triêng	Người DTTS	5	42,50	Kiểm lâm (Vị trí 8)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Đăk Glei	Kiểm lâm viên	2	
42	A-088	Hồ Thị Thúy	Hà	27/5/2001	x	Kinh			11,00	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
43	A-090	Nguyễn Thị	Hà	05/3/1999	x	Kinh			30,50	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
44	A-105	Cao Thị Thanh	Hằng	24/10/1987	x	Kinh			65,00	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
45	A-109	Y	Hanh	03/01/1998	x	Gia Rai	Người DTTS	5	21,75	Theo dõi công tác dân tộc	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Dân tộc	Chuyên viên	1	
46	A-113	Lê Thị	Hạnh	20/4/1995	x	Kinh			28,25	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
47	A-115	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	04/6/1992	x	Kinh			26,00	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
48	A-116	Phan Thị Mỹ	Hạnh	24/7/1998	x	Tày	Người DTTS	5	38,50	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
49	A-117	Trần Quang	Hạnh	02/02/1980		Kinh			51,25	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
50	A-118	Vũ Thị Hồng	Hạnh	28/7/1989	x	Kinh			34,50	Quản lý Thi đua- khen thưởng; Tôn giáo	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
51	A-122	Rơ Châm	Hậu	22/10/1999		Gia Rai	Người DTTS	5	20,00	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
52	A-125	Lê Thị Thu	Hiền	02/9/1995	x	Kinh			8,50	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1	
53	A-126	Lường Thị	Hiền	05/02/1989	x	Kinh			13,50	Quản lý giáo dục Mầm non	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
54	A-128	Phan Thị Thu	Hiền	25/02/1993	x	Kinh			29,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
55	A-129	Trần Thu	Hiền	20/10/1997	x	Kinh			27,00	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
56	A-133	Hà Thị Thanh Minh	Hiếu	05/9/1989	x	Kinh			51,50	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban quản lý Khu kinh tế	Phòng Quản lý đầu tư	Chuyên viên	1	
57	A-135	Nguyễn Trung	Hiếu	01/3/1989		Kinh			44,00	Công nghệ thông tin	Sở Tài chính	Phòng Tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên	1	
58	A-138	A	Hồ	21/4/1999		Giê Triêng	Người DTTS	5	35,50	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Đăk Glei	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1	
59	A-141	Nguyễn Thị Phương	Hoa	24/01/1999	x	Kinh			34,00	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
60	A-144	Y	Hòa	18/6/1998	x	Giê Triêng	Người DTTS	5	34,75	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
61	A-146	Trần Mỹ	Hoài	29/9/1992	x	Kinh			24,50	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1	
62	A-147	Trần Thị Thu	Hoài	26/01/1989	x	Kinh			7,50	Quản lý dịch bệnh	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên	1	
63	A-148	Y	Hoài	09/9/1995	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	33,25	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
64	A-149	Bùi Việt	Hoàng	09/3/1999		Mường	Người DTTS	5	38,00	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
65	A-150	Đình Minh	Hoàng	10/4/2000		Hrê	Người DTTS	5	31,50	Hành chính, tổng hợp	UBND huyện Đăk Hà	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên	1	
66	A-151	Lâm Thị	Hồng	28/6/1998	x	Nùng	Người DTTS	5	26,00	Quản lý đội ngũ CBCCVC	UBND huyện Đăk Glai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
67	A-153	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	04/4/1993	x	Kinh			55,25	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Tu Mơ Rông	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	2	
68	A-155	Y Hải	Hồng	28/7/2001	x	Triêng	Người DTTS	5	15,50	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
69	A-157	Đỗ Thị	Huế	07/4/1997	x	Kinh			39,50	Quản lý giáo dục tiểu học và giáo dục mầm non	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
70	A-159	Nguyễn Thị	Huệ	25/5/1997	x	Kinh			14,50	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
71	A-161	Y Nhật Minh	Huệ	07/6/2001	x	Triêng	Người DTTS	5	17,25	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
72	A-162	Nguyễn Huy	Hùng	09/9/1994		Kinh			0,00	Quản lý công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Phòng Bưu chính viễn thông & CNTT	Chuyên viên	1	
73	A-165	Phan Mộng Bảo	Hưng	06/3/1997		Kinh			21,50	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4	
74	A-166	Trần Thái	Hưng	19/01/1989		Kinh			34,00	Quản lý xây dựng	UBND huyện Sa Thầy	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1	
75	A-168	Nguyễn Thị Thanh	Hương	01/6/1998	x	Kinh			28,00	Quản lý quy hoạch (vị trí 02)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1	
76	A-170	Y	Hương	15/3/1996	x	Gia Rai	Người DTTS	5	13,00	Quản lý thi đua - khen thưởng	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
77	A-172	Hoàng Thị	Hữu	20/5/2001	x	Kinh			52,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài vụ	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
78	A-174	Đinh Tuấn	Huy	15/4/1998		Kinh			59,50	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
79	A-175	Hồ Quốc	Huy	24/6/1992		Kinh			8,50	Quản lý Thi đua- khen thưởng; Tôn giáo	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
80	A-176	Lê Quang	Huy	19/12/2000		Kinh			34,75	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
81	A-184	Y	Khêm	15/8/2000	x	Hà Lãng	Người DTTS	5	31,50	Quản lý thi đua - khen thưởng	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
82	A-185	Phạm Duy	Khiêm	10/01/1994		Mường	Người DTTS	5	23,00	Quản lý quy hoạch (vị trí 01)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1	
83	A-186	Rơ Châm H'	Khúy	22/02/1998	x	Gia Rai	Người DTTS	5	8,00	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
84	A-188	Hồ Thục	Kiên	18/3/1996	x	Kinh			26,25	Quản lý quy hoạch (vị trí 02)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1	
85	A-189	Lương Trung	Kiên	29/9/1999		Thái	Người DTTS	5	9,00	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
86	A-191	Y	Kiều	01/02/1998	x	Giê Triêng	Người DTTS	5	29,50	Quản trị công sở	UBND huyện Ngọc Hồi	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1	
87	A-192	Y	Kuôn	11/3/2000	x	Ha Lãng	Người DTTS	5	7,50	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
88	A-195	Đinh Duy	Lâm	22/8/1997		Kinh			53,75	Quản lý dịch bệnh	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên	1	
89	A-197	Nguyễn Đình	Lâm	14/8/1980		Kinh			53,00	Hành chính tổng hợp	Chi cục Thủy lợi	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
90	A-199	Trần Nhật	Lâm	17/10/1993		Kinh			67,00	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
91	A-200	Nguyễn Quang	Lanh	20/9/1987		Kinh			5,50	Thanh tra	UBND thành phố Kon Tum	Thanh tra	Chuyên viên	1	
92	A-203	Thái Thị Mỹ	Lệ	22/3/1996	x	Kinh			49,00	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 02)	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Chuyên viên	1	
93	A-206	Trần Thị Thùy	Liên	20/01/1992	x	Kinh			53,75	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
94	A-207	Vũ Thị	Liên	02/01/1998	x	Kinh			50,00	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
95	A-208	H Giao	Liêng	01/11/2000	x	M'nông	Người DTTS	5	26,00	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
96	A-209	A	Linh	08/6/1999		Giê Triêng	Người DTTS	5	14,25	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
97	A-213	Lê Thị Yến	Linh	16/12/1998	x	Kinh			22,75	Hành chính tổng hợp	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài vụ	Chuyên viên	1	
98	A-215	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	05/01/2000	x	Kinh			44,50	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
99	A-217	Nguyễn Thùy	Linh	15/4/2000	x	Kinh			65,00	Hành chính tư pháp	UBND huyện Đắk Hà	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
100	A-218	Nguyễn Vũ Thùy	Linh	04/01/2001	x	Kinh			40,25	Quản trị công sở	Ban quản lý Khu kinh tế	Văn phòng	Chuyên viên	1	
101	A-223	Trần Thị	Loan	07/10/1994	x	Kinh			31,25	Thanh tra	UBND huyện Ia H'Drai	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
102	A-229	Nguyễn Văn	Lương	12/10/2000		Kinh			25,75	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
103	A-232	A	Luyện	07/02/1997		Sơ Rá	Người DTTS; bộ đội xuất ngũ	5	37,75	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
104	A-236	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	11/9/2001	x	Kinh			16,00	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
105	A-237	Phạm Kiều	Ly	13/11/1993	x	Kinh	Con Bệnh binh	5	28,00	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	UBND huyện Đắk Glei	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
106	A-239	Lô Văn	Lý	09/01/1990		Nùng	Người DTTS	5	12,50	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
107	A-240	Nguyễn Thiên	Lý	24/12/1995	x	Kinh			28,50	Thanh tra kinh tế, xã hội	Thanh tra tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1	
108	A-241	Bùi Tuyết	Mai	07/6/1998	x	Kinh			0,00	Quản lý báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Chuyên viên	1	
109	A-242	Đới Sĩ	Mạnh	28/10/2001		Kinh			14,50	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	2	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
110	A-247	A	Mão	09/6/1987		Gia Rai	Người DTTS	5	59,00	Pháp chế (Vị trí 2)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 2	Kiểm lâm viên	1	
111	A-248	Đinh Thị	Mến	10/11/1988	x	Kinh			31,75	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Đăk Glei	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1	
112	A-249	Phạm Thị	Mến	08/01/1993	x	Kinh			29,50	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
113	A-250	Đào Thị Phương	Miên	14/10/1989	x	Kinh	Con thương binh, con người nhiễm chất độc hóa học	5	28,00	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
114	A-254	Trần Quỳnh	My	31/7/1994	x	Kinh			41,75	Quản lý về Doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể và tư nhân	Chuyên viên	1	
115	A-257	Nguyễn Thị Hồng	Na	19/02/1991	x	Kinh			42,50	Quản lý môi trường	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Chuyên viên	1	
116	A-259	Nguyễn Giang	Nam	06/02/1999		Kinh			4,00	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
117	A-260	Nguyễn Tùng	Nam	24/10/1995		Kinh			18,00	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
118	A-261	A	Nét	03/7/1995		Mơ Nam	Người DTTS	5	4,50	Quản lý tài chính - ngân sách (vị trí 02)	UBND huyện Kon Plông	Phòng Tài chính- Kế hoạch	Chuyên viên	1	
119	A-263	Trương Thị Thùy	Nga	23/12/1984	x	Kinh			47,75	Quản lý Kinh tế Hợp tác xã và Trang trại	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
120	A-264	Y	Nga	09/8/1988	x	Triêng	Người DTTS	5	17,00	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
121	A-265	Võ Duy	Ngà	16/4/1998	x	Kinh			34,00	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
122	A-267	Y	Ngà	18/9/2000	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	48,25	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
123	A-270	Trịnh Thị Kim	Ngân	04/5/1997	x	Kinh			10,00	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
124	A-277	Lê Thị Mai	Ngọc	08/3/2001	x	Kinh			36,50	Quản lý Thi đua- khen thưởng; Tôn giáo	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
125	A-279	Trần Thị	Ngọc	20/11/1994	x	Kinh			64,25	Quản lý thương mại	UBND huyện Ngọc Hồi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1	
126	A-281	Hà Thanh	Nguyên	18/7/1994		Thái	Người DTTS	5	21,00	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
127	A-286	Trần Thị Phương	Nguyên	09/02/1999	x	Kinh			34,00	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
128	A-288	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	18/8/1998	x	Kinh			13,00	Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên	1	
129	A-289	Nguyễn Trần Thanh	Nguyệt	25/5/1999	x	Kinh			80,50	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
130	A-290	Y	Nguyệt	24/5/1999	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	31,50	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
131	A-291	Hoàng Thị	Nhài	28/02/1991	x	Kinh			26,00	Hành chính, tổng hợp	UBND huyện Đăk Hà	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên	1	
132	A-293	Y	Nhân	23/7/1992	x	Triêng	Người DTTS	5	51,50	Quản lý nghiệp vụ y	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Y tế	Chuyên viên	1	
133	A-295	Mai Anh	Nhật	30/11/1990		Kinh			10,50	Kiểm lâm (Vị trí 8)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Đăk Glei	Kiểm lâm viên	2	
134	A-297	Đặng Hoàng Khánh	Nhi	24/11/2001	x	Kinh			46,00	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
135	A-298	Huỳnh Thị Lan	Nhi	16/01/1998	x	Kinh			55,40	Kế toán	Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Kế toán viên	1	
136	A-299	Lâm Thị Thảo	Nhi	16/7/1997	x	Kinh			36,50	Thanh tra	UBND huyện Đăk Tô	Thanh tra	Chuyên viên	1	
137	A-304	Trần Thị	Nhi	20/7/2000	x	Kinh			32,75	Quản lý công tác dân số	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
138	A-308	Nay H'	Nhuế	13/12/2000	x	Jrai	Người DTTS	5	4,50	Hành chính tư pháp	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
139	A-317	Phạm Y Kim	Oanh	20/3/2000	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	30,00	Quản lý về Doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể và tư nhân	Chuyên viên	1	
140	A-323	Ngô Hồng	Phi	02/6/1989		Kinh			57,00	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
141	A-325	A	Phình	20/02/1996		Giê Triêng	Người DTTS	5	42,75	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4	
142	A-326	Y	Phổ	24/6/1997	x	Gia Rai	Người DTTS	5	19,00	Theo dõi công tác dân tộc	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Dân tộc	Chuyên viên	1	
143	A-327	Un	Phối	11/02/1994		Giê Triêng	Người DTTS	5	14,75	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4	
144	A-328	Lê Hồng	Phong	03/8/1997		Kinh			42,50	Kiểm lâm (Vị trí 8)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Đăk Glei	Kiểm lâm viên	2	
145	A-329	Phạm Minh	Phong	30/4/1988		Kinh			7,50	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
146	A-330	Trương Việt	Phong	10/10/1995		Kinh			41,50	Kiểm lâm (Vị trí 9)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi	Kiểm lâm viên	4	
147	A-332	Văn Thành	Phú	01/4/1979		Kinh			22,50	Quản lý về nông nghiệp	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
148	A-333	Đặng Lê Hữu	Phúc	24/3/2000		Kinh			5,50	Quản lý về khoa học công nghệ	UBND huyện Đăk Glei	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1	
149	A-339	Lê Thị	Phương	28/5/1997	x	Kinh			24,75	Hành chính tổng hợp	Chi cục Thủy lợi	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
150	A-340	Nguyễn Đặng Thu	Phương	04/10/1987	x	Kinh			33,50	Quản lý Tài chính - Ngân sách	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	2	
151	A-346	Siu	Phyút	31/12/1993	x	Gia Rai	Người DTTS	5	38,00	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
152	A-347	Nguyễn Công	Quả	02/9/1989		Kinh			78,75	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
153	A-349	A Tổng Tiến	Quân	05/10/1998		Giê Triêng	Người DTTS	5	0,00	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
154	A-351	Nguyễn Hồng	Quân	15/10/1993		H'rê	Người DTTS	5	74,00	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
155	A-353	A	Quur	05/4/1997		Rơ Ngao	Người DTTS	5	33,50	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4	
156	A-354	Nguyễn Đình	Quý	16/11/1996		Kinh			31,00	Quản lý đất đai	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	1	
157	A-355	Phạm Văn	Quý	13/11/2001		Tơ - Dra	Người DTTS	5	46,50	Quản lý Đất đai	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	2	
158	A-358	Bùi Như	Quỳnh	17/12/2001	x	Kinh			27,50	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban quản lý Khu kinh tế	Phòng Quản lý đầu tư	Chuyên viên	1	
159	A-361	Phạm Thu	Quỳnh	30/7/1997	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	39,75	Hành chính tổng hợp	Chi cục Thủy lợi	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
160	A-365	Bùi Văn	Son	30/7/1987		Kinh			5,00	Theo dõi công tác dân tộc	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Dân tộc	Chuyên viên	1	
161	A-366	Đình Văn	Son	13/9/2000		Hrê	Người DTTS	5	15,75	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
162	A-371	Rơ Mah	Song	26/1/1992		Gia Rai	Người DTTS	5	15,00	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
163	A-373	Y	Sửu	19/5/1997	x	Gia Rai	Người DTTS	5	39,75	Theo dõi công tác tôn giáo	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
164	A-375	Hoàng Văn	Tài	30/9/1993		Kinh	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	34,75	Kiểm lâm (Vị trí 7)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kiểm lâm viên	3	
165	A-377	Nguyễn Tuấn	Tài	17/4/1997		Kinh			52,00	Thanh tra	UBND huyện Kon Rẫy	Thanh tra huyện	Chuyên viên	1	
166	A-378	Võ Đình	Tài	05/11/1989		Kinh			7,00	Quản lý xây dựng	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Chuyên viên	1	
167	A-380	Nguyễn Thị	Tâm	23/6/1992	x	Kinh			73,80	Kế toán (Vị trí 3)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kế toán viên	1	
168	A-382	Đặng Ngọc	Thạch	02/5/1997		Kinh			64,00	Kiểm lâm (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Đội KLCĐ và PCCCR số 1	Kiểm lâm viên	4	
169	A-383	Hoàng Hồng	Thái	15/11/1994		Tày	Người DTTS	5	68,00	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
170	A-384	Hoàng Trung	Thái	05/12/1992		Kinh			5,00	Thanh tra kinh tế, xã hội	Thanh tra tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1	
171	A-385	Y	Thái	04/10/2001	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	35,87	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Văn hóa và Thông tin	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
172	A-387	Nguyễn Trọng	Thắm	19/4/1990		Kinh			61,00	Thanh tra kinh tế, xã hội	Thanh tra tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1	
173	A-391	Đình Y Phương	Thanh	13/11/1997	x	Xơ Đăng	Người DTTS	5	36,75	Chuyên trách giúp HĐND	UBND huyện Đăk Glei	Văn phòng HĐND và UBND	Chuyên viên	1	
174	A-393	Trần Thị Giang	Thanh	24/4/1990	x	Kinh			22,25	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên	1	
175	A-394	Mai Tiến	Thành	26/5/1998		Kinh			18,00	Tổng hợp Kinh tế xã hội (vị trí 01)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Kinh tế ngành	Chuyên viên	1	
176	A-396	Nguyễn Văn	Thành	23/6/1995	x	Kinh			29,50	Quản lý Tiêu chuẩn chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên	1	
177	A-398	Bùi Thị	Thảo	10/9/1981	x	Kinh			41,75	Quản lý thương mại	UBND huyện Ngọc Hồi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên	1	
178	A-402	Nguyễn Phạm Diệu	Thảo	30/10/2001	x	Kinh			15,50	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Y tế	Chuyên viên	1	
179	A-404	Dương Hữu	Thế	19/01/1988		Kinh			42,50	Quản lý về thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
180	A-405	Cao Mộng Hoài	Thi	17/8/1991	x	Kinh			36,00	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Sở Y tế	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	1	
181	A-410	Hà Vũ	Thịnh	21/12/1999		Kinh			15,25	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
182	A-414	Ksor H'	Thoang	16/4/1998	x	Gia Rai	Người DTTS	5	32,50	Thanh tra kinh tế, xã hội	Thanh tra tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	Chuyên viên	1	
183	A-415	Tạ Thị Quỳnh	Thom	21/3/1999	x	Kinh			58,00	Hành chính tổng hợp	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch - Tài vụ	Chuyên viên	1	
184	A-417	Võ Thị Thanh	Thu	20/10/1995	x	Kinh			72,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	
185	A-418	A	Thư	20/4/1997		Ca Dong	Người DTTS	5	36,75	Kiểm lâm (Vị trí 10)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Kon Rẫy	Kiểm lâm viên	2	
186	A-419	Nguyễn Đặng Vân	Thư	21/12/2000	x	Kinh			60,50	Quản lý tài chính - ngân sách	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên	1	
187	A-420	Rơ Châm	Thư	24/10/1999	x	Jrai	Người DTTS	5	15,00	Hành chính tổng hợp	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
188	A-426	Đoàn Thị	Thương	01/12/1992	x	Kinh	Con Bệnh binh	5	54,20	Kế toán	Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Kế toán viên	1	
189	A-430	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	31/10/1996	x	Kinh			32,00	Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên	1	
190	A-431	Nguyễn Thị Nương	Thương	20/7/1991	x	Kinh			18,50	Quản lý Kinh tế Hợp tác xã và Trang trại	Chi cục Phát triển nông thôn	Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Chuyên viên	1	
191	A-436	Lê Thị Bích	Thùy	02/8/1994	x	Thái	Người DTTS	5	31,25	Thanh tra	UBND huyện Đắk Tô	Thanh tra	Chuyên viên	1	
192	A-439	Trần Thị Thu	Thùy	31/10/1997	x	Kinh			7,50	Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông	Thanh tra Sở	Chuyên viên	1	
193	A-442	Đỗ Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	02/6/1998	x	Kinh			74,50	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
194	A-443	Ngô Lâm Thủy	Tiên	12/9/1999	x	Kinh			39,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
195	A-446	Đỗ Quốc	Toàn	01/8/2000		Kinh			38,25	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND huyện Sa Thầy	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
196	A-449	Vũ Quang	Toàn	02/9/1999		Kinh			38,50	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
197	A-452	Lê Thị Mai	Trâm	01/11/1998	x	Kinh			66,00	Pháp chế (Vị trí 1)	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm viên	3	
198	A-453	Nguyễn Thị Mai	Trâm	21/9/1994	x	Kinh			15,00	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
199	A-454	Phạm Mai	Trâm	29/9/1997	x	Kinh			62,50	Kế toán (Vị trí 3)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kế toán viên	1	
200	A-456	Y	Trần	10/01/2000	x	Rơ Ngao	Người DTTS	5	1,00	Quản lý Đất đai	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	2	
201	A-463	Nguyễn Thùy	Trang	01/6/2000	x	Kinh			61,00	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
202	A-469	Đào Văn	Triệu	06/3/1985		Kinh			51,00	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
203	A-470	Lê Thị	Trinh	20/02/2000	x	Kinh			19,50	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Đắk Tô	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
204	A-473	Phạm Nguyễn Thảo	Trinh	05/9/2001	x	Kinh			4,00	Quản lý báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Chuyên viên	1	
205	A-474	Tô Thị Ngọc	Trinh	29/10/1991	x	Kinh	Con Thương binh	5	30,75	Tổ chức nhân sự	Ban quản lý Khu kinh tế	Văn phòng	Chuyên viên	1	
206	A-483	Võ Đình	Trung	23/7/1983		Kinh			34,50	Công nghệ thông tin	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Sở	Chuyên viên	1	
207	A-489	Lê Anh	Tú	07/01/1994		Kinh			41,75	Quản lý xây dựng	UBND huyện Sa Thầy	Văn phòng HĐND-UBND	Chuyên viên	1	
208	A-490	Lê Thị Cẩm	Tú	12/12/1994	x	Kinh			43,50	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
209	A-492	Trần Duy	Tuân	29/11/1995		Kinh			59,50	Chuyên viên quản lý công tác an toàn giao thông	Ban An toàn Giao thông tỉnh	Văn phòng Ban	Chuyên viên	1	
210	A-495	Lê Duy	Tuấn	17/8/1980		Kinh			35,50	Hành chính, tổng hợp	UBND huyện Đăk Hà	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên	1	
211	A-499	Nguyễn Văn	Tường	20/6/1988		Kinh			52,00	Quản lý môi trường	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Chuyên viên	1	
212	A-502	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/9/1999	x	Kinh			29,50	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	UBND huyện Ia H'Drai	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
213	A-506	Trịnh Thị	Tuyết	10/9/1993	x	Kinh			10,00	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi	Phòng Kỹ thuật và Phòng chống thiên tai	Chuyên viên	1	
214	A-508	Phạm Thị	Ty	06/11/1987	x	Kinh			33,25	Quản lý Tiêu chuẩn chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Chuyên viên	1	
215	A-509	Trần Thị	Tý	01/9/1986	x	Kinh	Con Thương binh	5	52,00	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
216	A-512	Huỳnh Cẩm	Vân	27/01/1997	x	Kinh			27,50	Quản lý tôn giáo	UBND huyện Đăk Tô	Phòng Nội vụ	Chuyên viên	1	
217	A-514	Phạm Hà Hồng	Vân	15/02/1987	x	Kinh			44,40	Kế toán	Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Kế toán viên	1	
218	A-516	Trần Thị Thu	Vân	24/12/1991	x	Kinh			51,50	Hành chính tổng hợp	Chi cục Thủy lợi	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	1	

TT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên (nếu có)	Điểm thi vòng 2	Vị trí tuyển dụng công chức					Ghi chú
										VTVL dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đơn vị dự kiến bố trí công tác	Ngạch công chức	Tổng chỉ tiêu TD	
219	A-517	Y	Vân	08/5/2001	x	Triêng	Người DTTS	5	36,25	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Tu Mơ Rông	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên	1	
220	A-519	Nguyễn Thị Lê	Vi	07/01/1994	x	Kinh			35,50	Kế toán	UBND thành phố Kon Tum	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên	1	
221	A-521	Phạm Thị Hoài	Vi	09/7/1993	x	Kinh			11,50	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Phòng XD,KTr&PBPL	Chuyên viên	1	
222	A-527	Đỗ Hoàng	Vinh	16/10/2001		Kinh			66,25	Hành chính tư pháp	UBND huyện Đăk Hà	Phòng Tư pháp	Chuyên viên	1	
223	A-529	Thao Thiên	Vĩnh	06/11/1996		Xơ Đăng	Người DTTS	5	38,00	Quản lý Đất đai	UBND huyện Kon Rẫy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên	2	
224	A-532	Ksor H'	Vui	08/7/2000	x	Jrai	Người DTTS	5	17,00	Cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	1	
225	A-538	Nông Thị Bình	Yên	27/3/2001	x	Tày	Người DTTS	5	43,75	Hành chính, tổng hợp	UBND huyện Đăk Hà	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên	1	
226	A-539	Dương Ngọc	Yến	25/11/1994	x	Kinh			50,00	Quản lý quy hoạch (vị trí 02)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Chuyên viên	1	
227	A-540	Dương Thuận	Yến	02/01/2001	x	Kinh			5,50	Tổng hợp Kinh tế xã hội (vị trí 01)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Kinh tế ngành	Chuyên viên	1	
228	A-541	Lê Thị	Yến	16/8/1991	x	Kinh			63,60	Kế toán (Vị trí 3)	Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm huyện Tu Mơ Rông	Kế toán viên	1	
229	A-544	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/12/1998	x	Kinh			17,25	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Chuyên viên	1	
230	B-006	Phan Thị Xuân	Mỹ	01/02/1991	x	Kinh	Con Thương binh	5	51,63	Văn thư	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Văn thư viên Trung cấp	1	
231	B-009	Nguyễn Thanh	Thủy	08/6/2000	x	Kinh	Con thương binh	5	54,88	Văn thư	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Văn thư viên Trung cấp	1	